

Bài 11 : MỘT SỐ PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Bài học này giới thiệu một số phạm trù cơ bản của đạo đức học. Yêu cầu đặt ra đối với HS sau khi học xong bài này là :

1. Về kiến thức

– Biết được thế nào là nghĩa vụ, lương tâm, nhân phẩm, danh dự và hạnh phúc.

2. Về kĩ năng

– Biết thực hiện các nghĩa vụ đạo đức liên quan đến bản thân.

– Biết giữ gìn danh dự, nhân phẩm, lương tâm của mình ; biết phấn đấu cho hạnh phúc của bản thân và xã hội.

3. Về thái độ

– Coi trọng việc giữ gìn lương tâm, nhân phẩm, danh dự và hạnh phúc.

– Tôn trọng nhân phẩm của người khác.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

Một số vấn đề mà GV cần phải chú ý khi dạy bài này là :

Thứ nhất, phạm trù đạo đức học là những khái niệm đạo đức cơ bản, phản ánh những đặc tính căn bản, những phương diện và những quan hệ phổ biến nhất của những hiện tượng đạo đức trong đời sống hiện thực.

Thứ hai, để dạy tốt bài này, GV cần chú ý rằng phạm trù đạo đức học không chỉ có những đặc điểm như tất cả các phạm trù của các khoa học khác, mà do đặc thù, phạm trù đạo đức học còn có ba đặc điểm sau đây :

– Phạm trù đạo đức học không chỉ bao hàm những nội dung là thông tin về bản thân nó (nội dung thông báo) mà còn mang nội dung đánh giá. Nghĩa là phạm trù đạo đức học còn đưa lại cho chúng ta một hệ tiêu chuẩn giá trị phù hợp với thời đại và cả những quan điểm, tư tưởng, thái độ của con người đối với thế giới xung quanh họ.

– Phạm trù đạo đức học mang tính phân cực. Nghĩa là mọi vấn đề thuộc về đạo đức xã hội luôn được đánh giá một cách rõ ràng : khẳng định hoặc phủ định. Chính vì điều này mà các phạm trù đạo đức học luôn có phạm trù đối lập. Chẳng hạn, phạm trù hạnh phúc có phạm trù đối lập là bất hạnh, đối lập với phạm trù lương tâm là vô lương tâm... Tuy nhiên, trong đạo đức học thường nhấn mạnh phạm trù tích cực.

– Phạm trù đạo đức học có sự kết hợp giữa tính khách quan và tính chủ quan. Tính khách quan thể hiện sự phản ánh các quan hệ xã hội và hành vi của con người và tính chủ quan thể hiện ở những cảm xúc, trách nhiệm, lựa chọn và sự đánh giá của từng cá nhân, nhóm người... và trên thực tế, các quan niệm về đạo đức thay đổi qua các thời đại khác nhau và giữa các giai cấp khác nhau.

Thứ ba, về các phạm trù đạo đức học cơ bản đã được trình bày trong SGK, SGV chỉ trình bày những vấn đề cơ bản, chung nhất và được đơn giản hoá cho phù hợp với trình độ HS lớp 10 phổ thông. Đối với GV, trong từng phạm trù, cần nắm thêm một số vấn đề sau :

– Phạm trù nghĩa vụ : trong đời sống người ta thường hay nhầm lẫn giữa việc thực hiện nghĩa vụ với những hành vi giúp đỡ người khác. Do đó, để phân biệt được nghĩa vụ với các hành vi khác cần phải thấy được những yêu cầu khi thực hiện nghĩa vụ là : *tự giác, vì cái thiện và được tự do*. Nếu thiếu một trong ba điều này thì không thể có hành động nghĩa vụ thực sự.

– Phạm trù lương tâm : các nhà đạo đức học đều thống nhất với nhau rằng lương tâm là đặc trưng của đời sống cá nhân, là phạm trù có tính phổ biến làm nên đạo đức con người. Lương tâm được bắt nguồn từ sự nhận thức nghĩa vụ đạo đức và được quy định bởi hoạt động của cá nhân trong những điều kiện lịch sử – xã hội cụ thể.

– Phạm trù nhân phẩm và danh dự : nhân phẩm và danh dự là hai phạm trù đạo đức học khác nhau nhưng lại có quan hệ quy định lẫn nhau. Nhân phẩm là

giá trị làm người của mỗi cá nhân, nhân phẩm không chỉ phụ thuộc vào mỗi cá nhân mà còn phụ thuộc vào quan niệm của từng xã hội, giai cấp khác nhau. Danh dự là kết quả của quá trình xây dựng và bảo vệ nhân phẩm của các cá nhân, vì lẽ đó, một con người có danh dự không chỉ biết giữ gìn nhân phẩm của bản thân mà còn phải biết làm cho nhân phẩm của mình được xã hội công nhận thông qua hoạt động cống hiến không biết mệt mỏi của cá nhân cho xã hội.

– Phạm trù hạnh phúc : hạnh phúc là một phạm trù được tranh cãi rất nhiều không chỉ trong học thuật mà còn cả trong thực tế cuộc sống từ xưa đến nay, do đó sẽ không thấy ngạc nhiên nếu như người ta không dễ dàng thống nhất với nhau về phạm trù này. Tuy nhiên, khi nói đến hạnh phúc thì phải đề cập đến *sự thoả mãn các nhu cầu chính đáng về cả vật chất và tinh thần*. Không nên nhầm lẫn giữa hạnh phúc với sự thoả mãn của các cá nhân. Bởi vì, sự thoả mãn cá nhân có thể có đạo đức hoặc phi đạo đức, sự thoả mãn của cá nhân này có thể chống lại sự thoả mãn của các cá nhân khác.

2. Về PPDH và hình thức tổ chức dạy học

Đây là bài học có tính lí luận với những khái niệm cơ bản nhất của đạo đức học, do đó phương pháp thuyết trình, diễn giảng là không thể thiếu được. Tuy nhiên, để phát huy tính tích cực của HS, GV nên kết hợp với phương pháp giải quyết vấn đề và tăng cường đàm thoại với HS bằng nhiều câu hỏi mang tính gợi mở để HS nắm được những khái niệm được coi là tổng quát của đạo đức học. Nếu có thể, GV sử dụng thêm phương pháp thảo luận nhóm với những đề tài phù hợp với nội dung của bài. Ngoài ra, GV có thể sử dụng một số câu hỏi trắc nghiệm trong một số nội dung để kiểm tra nhận thức trước hoặc sau khi HS học một đơn vị kiến thức của bài.

3. Về phương tiện dạy học

Ngoài những phương tiện của một lớp học thường có thì GV có thể chuẩn bị thêm một số tờ giấy lớn ghi một số câu hỏi trắc nghiệm để HS chỉ ra sự đúng sai giúp HS dễ dàng hơn trong việc tiếp thu kiến thức của bài, tạo ra không khí học tập sôi nổi cho cả lớp.

Nếu lớp học được trang bị đầu máy vi-đê-ô hoặc máy vi tính... thì GV có thể sưu tầm một số băng, đĩa có những nội dung phù hợp với bài giảng để minh hoạ.

Đặc biệt, nếu GV thiết kế bài giảng điện tử thì GV có thể thiết kế câu hỏi, sơ đồ, bảng... ngay trên máy tính mà không cần giấy khổ lớn.

Trường hợp nhà trường trang bị được máy chiếu Overhead (máy chiếu hắt) thì có thể thiết kế câu hỏi, sơ đồ, bảng biểu... trên phim chiếu để phục vụ giờ giảng.

4. Về kiểm tra, đánh giá

Những câu hỏi và bài tập trong SGK được hướng dẫn sau đây chỉ nhằm mục đích gợi ý, định hướng, giúp GV thuận lợi hơn trong việc kiểm tra và đánh giá HS.

a) *Gợi ý trả lời câu hỏi và giải bài tập*

Câu hỏi trong phần 1.b : *Là HS trung học, em thấy mình có những nghĩa vụ nào ?*

Câu hỏi này nhằm tạo ra sự liên hệ của HS đối với cuộc sống thực tế hàng ngày của các em. Vì vậy, GV cần chỉ ra những nghĩa vụ của bản thân của các em như : nghĩa vụ học tập, làm việc giúp gia đình, tu dưỡng đạo đức của người HS...

Câu hỏi trong phần 2.a : *Hãy tìm một vài ví dụ về trạng thái căng rít của lương tâm mà em biết.*

Với câu hỏi này, GV nên hướng HS lấy ví dụ có trong những câu chuyện quen thuộc, trong báo, đài, vô tuyến truyền hình... nhưng tốt hơn cả là những ví dụ thực tế xảy ra trong trường lớp, trong môi trường sống hàng ngày của HS. Chẳng hạn : ăn năn khi nhận ra khuyết điểm, hối hận khi có lỗi với người khác.

Câu hỏi trong phần 3.b : *Em đã tự ái bao giờ chưa ? Sự tự ái ấy có lợi hay có hại, vì sao ?*

Mục đích của câu hỏi nhằm kiểm tra HS đã hiểu được thế nào là tự trọng, thế nào là tự ái và sự khác nhau giữa chúng cũng như những tác dụng tiêu cực của tự ái. Câu hỏi này tuy đơn giản nhưng để HS trả lời đúng mục đích của câu hỏi là không dễ dàng, vì một số HS có thể chưa phân biệt được giữa tự trọng và tự ái hoặc các em ngại khi nói về bản thân trước lớp. GV nên hướng HS đến với những vấn đề thông thường, quen thuộc như bạn bè góp ý, phê bình khuyết điểm của nhau trong học tập, sinh hoạt... để dễ phân tích.

Câu hỏi trong phần 4.a : *Em hãy nêu một số nhu cầu vật chất và tinh thần của con người.* Câu này chỉ nhằm mục đích thống kê một số nhu cầu của

con người và nếu có thể, GV đánh giá những nhu cầu đó là chân chính hay là không chân chính.

Bài tập 1 : Bài tập nhằm rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá của HS đối với các hiện tượng đạo đức xã hội trên cơ sở kiến thức đã học. Cơ sở của ý thức nghĩa vụ là ý thức của cá nhân đối với nhu cầu, lợi ích của người khác, vì vậy khi sống theo phương châm "Đèn nhà ai nhà nấy rạng" là thiếu ý thức nghĩa vụ, thể hiện lối sống thiếu ý thức cộng đồng và lối sống ấy trong những hoàn cảnh cụ thể có lúc sẽ gây ra những hậu quả xấu cho xã hội và cho chính bản thân người đó.

Bài tập 2 : Bài tập nhằm khẳng định giá trị của lương tâm. Người có lương tâm được coi là người có đạo đức. Dù lương tâm thể hiện ở trạng thái nào cũng có giá trị điều chỉnh tích cực hành vi của cá nhân.

Bài tập 3 : Nhân phẩm và danh dự làm nên giá trị của mỗi con người ; người có nhân phẩm, biết trọng danh dự là một cá nhân có đạo đức. Người nghiện ma tuý khó giữ được nhân phẩm và danh dự của mình vì đã tự tạo ra cho mình những nhu cầu thiếu lành mạnh nhưng lại rất khó bỏ. Để thoả mãn cơn nghiện, họ có thể làm bất cứ điều gì (kể cả vi phạm pháp luật), vì vậy, họ đã đánh mất nhân phẩm và danh dự của mình.

Bài tập 4 : Để phân biệt tự trọng và tự ái phải căn cứ vào bản chất của chúng, nhưng điều khác biệt cơ bản giữa hai trạng thái này là ở chỗ nếu như lòng tự trọng thể hiện việc cá nhân biết tự đánh giá đúng bản thân mình theo các tiêu chuẩn khách quan thì sự tự ái lại là đánh giá bản thân mình quá cao và theo những tiêu chuẩn chủ quan.

Bài tập 5 : Tất nhiên quan niệm như vậy sẽ là không đúng. Bởi vì, trong trường hợp này đã có sự nhầm lẫn giữa hạnh phúc với sự thoả mãn cá nhân. Hạnh phúc con người là sự thoả mãn của cá nhân về các nhu cầu vật chất và tinh thần nhưng phải là những nhu cầu chân chính, lành mạnh, đồng thời còn biết tự điều chỉnh các nhu cầu ấy cho phù hợp với điều kiện thực tế, còn quan niệm "Cầu được, ước thấy" thể hiện mong muốn thoả mãn mọi nhu cầu, bất kể đó là nhu cầu gì, kể cả những nhu cầu sai trái. Trên thực tế, không thể có chuyện "Cầu được, ước thấy", vì nhu cầu của con người là vô hạn trong khi khả năng thực tế đáp ứng nhu cầu của con người trong từng thời điểm cụ thể là có giới hạn.

Bài tập 6 : Hạnh phúc của một HS trung học gồm nhiều yếu tố tạo thành, mỗi HS có thể trả lời theo những ý kiến khác nhau nhưng về cơ bản, hạnh phúc của một HS là được gia đình, nhà trường tạo mọi điều kiện vật chất và tinh thần để học tốt, được thầy cô giáo quý mến, bạn bè tin yêu.

b) *Gợi ý kiểm tra, đánh giá*

Bài này có bốn đơn vị kiến thức tương đối độc lập nhau. Vì vậy, GV cần xây dựng những bài tập kiểm tra, đánh giá riêng cho từng đơn vị kiến thức. GV có thể kiểm tra, đánh giá qua việc cho HS phân biệt giữa các phạm trù đạo đức học cơ bản này bằng cách cho lập bảng so sánh. GV cũng có thể cho HS phân tích một số tình huống GV đã chuẩn bị sẵn, để xác định xem hành vi trong tình huống đó thuộc phạm trù đạo đức nào.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. Phần mở bài

Để tạo tâm thế cho HS vào bài học, GV có thể vào bài một cách trực tiếp bằng việc giới thiệu các phạm trù và nhấn mạnh rằng, đó là các khái niệm cơ bản nhất của khoa học nghiên cứu về đạo đức. Tuy vậy, GV cũng có thể vào bài một cách gián tiếp, bắt đầu từ việc giải thích thế nào là *phạm trù* và phân biệt phạm trù với *khái niệm*. GV cần làm cho HS hiểu được rằng *một phạm trù về thực chất là một khái niệm, nhưng là khái niệm chung nhất, khái quát nhất của một ngành khoa học*. Cuối cùng, GV giới thiệu những phạm trù cơ bản của đạo đức học mà HS sẽ được học trong hai tiết sắp tới.

2. Phần tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

Bài học được bố trí trong hai tiết. Với bốn đơn vị kiến thức đã trình bày trong SGK, tiết thứ nhất dành cho đơn vị kiến thức 1 và 2, tiết thứ hai dành cho đơn vị kiến thức 3 và 4.

a) *Dạy học đơn vị kiến thức 1: Nghĩa vụ*

* *Mức độ kiến thức*

Những kiến thức cơ bản mà HS cần nắm vững đã được trình bày khá rõ ràng trong SGK. Tuy nhiên GV phải chú ý :

– Khi dạy *Nghĩa vụ là gì*, phải cho HS thấy nghĩa vụ là biểu hiện riêng chỉ có của con người, trong khi đó con vật chỉ quan hệ với nhau trên cơ sở bản năng. Mặt khác, trên cơ sở nhận thức về nghĩa vụ, con người có thể hi sinh lợi ích của bản thân vì lợi ích chung của xã hội.

– Khi trình bày về *Nghĩa vụ của người thanh niên Việt Nam hiện nay*, GV cần phải khẳng định với HS rằng 4 nghĩa vụ cơ bản mà SGK đã nêu là những nghĩa vụ của bất cứ thanh niên nào, tùy theo cá nhân khác nhau và ở những mức độ trưởng thành khác nhau sẽ xác định nghĩa vụ nào là chủ yếu.

** Cách thực hiện*

– Để làm rõ khái niệm nghĩa vụ, GV sử dụng các phương pháp vấn đáp, giải quyết vấn đề. Trong SGK đã có sẵn một ví dụ về sự khác nhau giữa nghĩa vụ của con người (cha mẹ nuôi dạy con cái) và bản năng của con vật (sói mẹ nuôi con), GV có thể lấy thêm ví dụ khác tương tự. Để làm rõ sự cần thiết của việc cá nhân phải biết hi sinh lợi ích của cá nhân vì lợi ích chung của xã hội, GV lấy một tình huống cụ thể để HS thảo luận (chẳng hạn : Nhà nước chủ trương di dời một số hộ gia đình đến khu tái định cư để lấy mặt bằng xây dựng nhà máy thủy điện) và tự rút ra kết luận như trong SGK.

– Để HS thấy rõ được *Nghĩa vụ của người thanh niên Việt Nam hiện nay*, GV nên sử dụng phương pháp hoạt động nhóm để HS thảo luận về một số việc làm cụ thể như : học sinh, sinh viên tham gia chiến dịch mùa hè xanh, thực hiện nghĩa vụ quân sự... kết hợp với việc lấy thêm những dẫn chứng, ví dụ minh họa trong thực tế hoặc qua những thông tin trên báo, đài, vô tuyến truyền hình để thêm tính thuyết phục.

Tuy nhiên, nếu GV muốn dành thời gian để làm rõ các nội dung khác, GV có thể cho HS tự học phần này và sau đó GV kiểm tra lại mức độ tiếp thu của HS.

b) *Dạy học đơn vị kiến thức 2 : Lương tâm*

** Mức độ kiến thức*

GV cần làm rõ thêm về một số vấn đề sau :

– Lương tâm là gì ? Từ khái niệm trong SGK, GV phải đặc biệt nhấn mạnh *lương tâm là năng lực tự đánh giá*. Với hai trạng thái của lương tâm, HS thường hiểu

rất nhanh và lấy ví dụ được ngay về trạng thái phủ định của lương tâm, nhưng với trạng thái khẳng định thì lại hay gặp lúng túng và cho ví dụ sai (không phải là lương tâm), do đó, GV cần làm rõ hơn về trạng thái khẳng định của lương tâm : *đó là sự thanh thản của lương tâm*, sự thanh thản này có được không chỉ do cá nhân đã hoạt động theo đúng các chuẩn mực đạo đức của xã hội mà còn ngay cả *khi cá nhân mắc sai lầm nhưng đã nhận ra được sai lầm của mình và đã sửa chữa sai lầm*.

– Hãy trở thành người có lương tâm : nội dung này nên để HS tự học và tự tổng kết những bài học cần thiết cho mình. Ba tiêu chí trong SGK sẽ giúp HS định hướng quá trình tự học.

** Cách thực hiện*

– GV nên sử dụng phương pháp giải quyết vấn đề : Trong cuộc sống, một người có đạo đức luôn xem xét, đánh giá các mối quan hệ giữa bản thân với những người xung quanh, HS có thể lấy dẫn chứng minh họa cho luận điểm này.

– GV lấy một dẫn chứng về lương tâm trong thực tế hoặc sử dụng ví dụ có sẵn trong SGK để phân tích và làm rõ hai trạng thái của lương tâm.

– Phần kiến thức : Làm thế nào để trở thành người có lương tâm, GV cho HS tự đọc hoặc tự nghiên cứu. Nếu thực hiện, GV nên hướng hoạt động vào việc hình thành kỹ năng đánh giá hành vi của cá nhân và chú ý cho HS thử liên hệ với một vài hành vi nào đó của bản thân để đối chiếu.

c) *Dạy học đơn vị kiến thức 3 : Nhân phẩm và danh dự*

** Mức độ kiến thức*

– HS hiểu được nhân phẩm là gì ? Như thế nào là một người có nhân phẩm ? Và làm thế nào để trở thành người có nhân phẩm ?

– HS hiểu được danh dự là gì ? Vì sao phải giữ gìn và bảo vệ danh dự ? Phân biệt rõ giữa tự trọng và tự ái.

** Cách thực hiện*

Trong phần này, SGK trình bày hai phạm trù đạo đức học có liên quan chặt chẽ và quy định lẫn nhau là *nhân phẩm* và *danh dự*, càng làm rõ được phạm trù nhân phẩm thì việc dạy phạm trù danh dự càng trở nên dễ dàng hơn.

Để làm rõ thế nào là nhân phẩm, danh dự GV dùng phương pháp giải quyết vấn đề.

– GV đặt vấn đề : mỗi người luôn có những phẩm chất nhất định, sau đó yêu cầu HS chứng minh điều này bằng các ví dụ. GV nên hướng vào các ví dụ gần gũi với HS. Sau đó GV khẳng định rằng *nhân phẩm là giá trị làm người của mỗi con người*, những giá trị này gồm những giá trị do con người tạo ra trong hoạt động sống của cá nhân.

– GV đặt vấn đề : trong bất kì xã hội nào, người có nhân phẩm luôn được xã hội đánh giá cao, vì vậy mỗi HS cần phải phấn đấu trở thành người có nhân phẩm và luôn có ý thức giữ gìn nhân phẩm. HS chứng minh điều đó bằng vốn hiểu biết của các em. Có thể trong quá trình phân tích và lấy ví dụ sẽ có những nhầm lẫn nào đó, GV nên để HS tự tìm ra những nhầm lẫn đó, và tự rút ra kết luận : người có nhân phẩm được xã hội đánh giá cao.

– Để HS hiểu được *danh dự là nhân phẩm được đánh giá và công nhận*, GV dùng phương pháp nêu vấn đề.

+ GV đặt câu hỏi : Ai đánh giá nhân phẩm ?

+ HS trả lời trên cơ sở SGK.

+ GV cần khẳng định trong mọi sự đánh giá thì sự đánh giá của xã hội có ý nghĩa quan trọng hơn. GV cần đặc biệt nhấn mạnh : để trở thành người có danh dự, trước hết mỗi cá nhân cần phải phấn đấu rèn luyện để tạo ra được những giá trị tinh thần cũng như đạo đức cho bản thân và khi những giá trị ấy được công nhận thì phải biết giữ gìn những giá trị ấy.

– Để phân biệt được giữa tự trọng và tự ái, GV nên dùng phương pháp vấn đáp từ một tình huống cụ thể hoặc dùng phương pháp hoạt động nhóm để thảo luận và rút ra kết luận tự trọng khác tự ái.

d) *Dạy học đơn vị kiến thức 4 : Hạnh phúc*

* *Mức độ kiến thức*

Phạm trù *hạnh phúc* là một phạm trù trọng tâm của đạo đức học. Hạnh phúc là gì ? Hạnh phúc là khái niệm dễ gây tranh cãi, có rất nhiều quan niệm khác nhau về

hạnh phúc, tuy nhiên với mức độ trình bày trong bài thì chủ yếu là bước đầu cho HS làm quen với khái niệm này và không đề cập đến mức độ phức tạp của vấn đề. Hạnh phúc được trình bày trong bài chỉ dừng lại ở cảm xúc vui sướng của con người khi được thoả mãn nhu cầu chân chính và lành mạnh về cả vật chất và tinh thần. Bên cạnh đó phải làm cho HS hiểu, trong xã hội của chúng ta hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc xã hội có mối quan hệ chặt chẽ và làm cơ sở cho nhau.

** Cách thực hiện*

Trong quá trình giảng dạy, GV cần chú ý sử dụng phương pháp đàm thoại cũng như phương pháp giải quyết vấn đề hoặc phương pháp hoạt động nhóm để dẫn dắt HS trong quá trình tiếp thu.

– Khi đặt vấn đề về hạnh phúc, GV có thể lấy ví dụ trong SGK nhưng cũng có thể dùng một ví dụ khác đã chuẩn bị trước. Trên cơ sở phân tích dẫn chứng, HS phải hiểu được một vấn đề cơ bản : Hạnh phúc là cảm xúc vui sướng, hài lòng của con người khi được đáp ứng các nhu cầu vật chất và tinh thần chân chính và lành mạnh của bản thân.

– GV cần nhấn mạnh tính chân chính và lành mạnh của nhu cầu, vì nếu không, HS sẽ nhầm lẫn giữa hạnh phúc với sự thoả mãn cá nhân nói chung mà sự thoả mãn ấy có thể chỉ là sự thoả mãn các nhu cầu không lành mạnh, thiếu đạo đức.

– Hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc xã hội : phần này GV có thể dạy mà cũng có thể để HS tự học, GV nên đưa ra các câu hỏi để định hướng cho HS thảo luận và tự rút ra kết luận cho các vấn đề. Cuối cùng, GV phải nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc xã hội.

3. Phần củng cố

– Bài này gồm các đơn vị kiến thức riêng biệt nên GV có thể củng cố ngay khi kết thúc từng đơn vị kiến thức.

– Cũng có thể củng cố trên cơ sở kết thúc cả bài : các phạm trù này tuy có nội dung riêng biệt nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Phạm trù này luôn lấy các phạm trù khác làm cơ sở. Ví dụ : có ý thức nghĩa vụ mới hình thành nên được lương tâm, sống làm tròn nghĩa vụ và có lương tâm được coi là người có nhân phẩm và danh dự, hạnh phúc là có được tất cả các điều trên...

IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Đê-mô-crít cho rằng : "Hạnh phúc là trạng thái không có đau khổ, dằn vặt mà được yên tĩnh và thanh thản trong tâm hồn".⁽¹⁾

2. Ê-pi-quya cho rằng : "Hạnh phúc của đời sống con người là sức khỏe, do đó con người cần phải biết giữ gìn sức khỏe để có thể vượt qua nỗi bất hạnh".⁽²⁾

3. I. Can-tơ cho rằng : "Nghĩa vụ là một mệnh lệnh tuyệt đối, là chân lí tất yếu con người nhất thiết phải làm, không được chống lại".⁽³⁾